

Bản án số: 263/2017/HSST.

Ngày: 15/9/2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Nguyễn Thị Kính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền, Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê, Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 229/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Ong Đức T; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988 tại tỉnh Bạc Liêu; Hộ khẩu thường trú: 144/2 TP, Phường Q, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: 451B/50B PTH, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Ong Văn N (Sinh năm: 1960) và bà Ngô Tiểu P (chết); Vợ: Trần Huy Cẩm G (Sinh năm: 1987); Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2016 cho đến nay (Có mặt).

2. Võ Huy T1 (Tên gọi khác: TC); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 162/30 BTX, phường P, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 157C/11 DBT, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Cha: không rõ; Mẹ: Ngô Thị T (Sinh năm: 1964); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2016 cho đến nay (Có mặt).

3. Lê Văn M; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995 tại tỉnh Trà Vinh; Hộ khẩu thường trú: khóm 9, thị trấn C, huyện L, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Lê Văn T (Sinh năm: 1958) và bà Nguyễn Thị Thanh H (Sinh năm: 1958); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2016 cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại:

1. Ông Phan Đức L, sinh năm: 1965; Hộ khẩu thường trú: 15/102A/34 HB, Phường Q, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).
2. Ông Kha Văn B, sinh năm: 1958; Hộ khẩu thường trú: 118/30A MV, Phường W, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).
3. Ông Nguyễn Thái N, sinh năm: 1944; Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: 69/24E HTK, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).
4. Anh Lâm Nhật H; sinh năm: 1995; Hộ khẩu thường trú: 84 TKH, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: 02 đường 102 CL, Phường R, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Dương Thị H, sinh năm: 1965; Hộ khẩu thường trú: 102/21A ADL, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).
2. Anh Nguyễn Đức P, sinh năm: 1987; Hộ khẩu thường trú: Ấp TL3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: 181/64 ADL, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 và Lê Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố hành vi phạm tội như sau:

Ong Đức T, Lê Văn M và Võ Huy T1 có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Do cần tiền tiêu xài nên cả ba đã cùng nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn Quận 8 và huyện Bình Chánh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 26/5/2016, Ong Đức T rủ thì được Võ Huy T1 đồng ý cùng nhau đi cướp tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài. Huy T1 điều khiển xe gắn máy hiệu Nouvo biển số 52Z9-4339 (xe của Huy T1 mua của một thanh niên không rõ lai lịch tên T, sau đó do thiếu tiền Huy T1 đã bán xe lại cho T) chở Đức T đi lòng vòng trên các tuyến đường ở Quận 5 để tìm tài sản, khi đến ngã ba đường A và đường N, Quận D thì Đức T thấy ông Phan Đức L, sinh năm 1965, là người chạy xe ôm đang dựng xe gắn máy biển số 59M1-608.83 chờ khách nên Đức T nói Huy T1 dừng xe bên đường để Đức T đi bộ đến gặp ông L và yêu cầu ông L chở về đường CL, Quận A, còn Huy T1 điều khiển xe chạy theo sau chờ đến đoạn đường vắng thì cướp xe của ông L. Khi ông L điều khiển xe chở Đức T đến khu C9 ấp 4A, xã B, huyện C thì Đức T giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của ông L để gọi cho vợ nhưng thực chất là thông báo cho Huy T1 biết địa điểm của Đức T đang đi để Huy T1 chạy xe theo sau. Khi đi đến trước số C10/35 ấp 4A, xã B, huyện C, Đức T thấy đường vắng nên nói ông L dừng xe. Khi ông L vừa xuống xe thì từ phía sau Huy T1 nhặt một thanh gỗ ven đường ném trúng vào lưng của ông L làm ông L hoảng sợ bỏ chạy và tri hô “cướp, cướp”. Đức T liền cướp xe gắn máy của ông L nổ máy tẩu thoát cùng với Huy T1. Sau đó Đức T và Huy T1 đem xe cướp

được bán cho một người tên T (không rõ lai lịch) tại khu vực ấp 1A, xã B, huyện C được 2.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết.

Ngày 15/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51M1-608.83 là 14.441.500 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Đức L yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe bị cướp.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 28/5/2016, khi gặp nhau Ông Đức T rủ thì được Võ Huy T1 đồng ý đi cướp tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài. Huy T1 điều khiển xe gắn máy hiệu Nouvo biển số 52Z9-4339 chở Đức T tới trước số 60A NTP, Phường Q, Quận S thì Đức T thấy ông Kha Văn B, sinh năm 1958, là người chạy xe ôm, đang đậu xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51L5-0552 chờ khách nên Đức T nói Huy T1 dừng xe để Đức T đi bộ đến nói ông B chở về đường CL, Quận A, còn Huy T1 điều khiển xe chạy theo sau chờ đến đoạn đường vắng thì cướp xe của ông B. Trên đường đi Đức T giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của ông B để gọi cho người quen lấy tiền trả tiền xe ôm nhưng thực chất là gọi nói cho Huy T1 biết để điều khiển xe chạy theo sau, khi ông B chạy đến hẻm C9 ấp 4A, xã B, C, Đức T thấy đoạn đường vắng nên nói ông B dừng xe tính tiền xe ôm. Ông B dừng lại, xuống xe thì lúc này Huy T1 chạy đến, Đức T giả vờ hỏi Huy T1 có tiền trả xe ôm hay không thì Huy T1 trả lời không, lợi dụng lúc ông B không để ý, Đức T lấy trong người ra một cây kéo bằng kim loại (cây kéo do Đức T nhặt trên đường, sau khi gây án xong Đức T đã ném bỏ) chĩa vào cổ của ông B và nói “Cướp đây” làm ông B hoảng sợ, Đức T liền lên xe biển số 51L5-0552 của ông B nổ máy tẩu thoát, ông B liền nắm đuôi xe Nouvo của Huy T1 thì Huy T1 dùng chân đạp vào tay của ông B làm ông B bị đau nên thả tay ra. Sau đó, Đức T và Huy T1 điều khiển xe tẩu thoát và đem xe biển số 51L5-0552 bán cho người thanh niên tên T (không rõ lai lịch) tại khu vực ấp 4A, xã B, huyện C được 1.800.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết.

Ngày 15/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe gắn máy Honda Wave biển số 51L5-0552 là 2.548.500 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Kha Văn B yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe bị cướp.

Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 16/6/2016, khi gặp nhau Ông Đức T bàn bạc và rủ thì được Võ Huy T1 và Lê Văn M đồng ý cùng nhau đi cướp tài sản của người khác đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đức T bàn bạc kế hoạch là Đức T giả vờ làm khách đi xe ôm rồi yêu cầu người chạy xe ôm chở đến chỗ vắng sau đó Đức T, M và Huy T1 dàn cảnh đánh nhau (Huy T1 và M sẽ đánh Đức T và người chạy xe ôm), làm cho người chạy xe ôm hoảng sợ bỏ chạy rồi cả ba cướp xe và tài sản của người chạy xe ôm. Thực hiện ý định trên, Huy T1 điều khiển xe Nouvo biển số 52Z9-4339 chở Đức T và M đến trước số 03 TP, Phường Q, Quận S thì Đức T thấy ông Nguyễn Thái N, hành nghề xe ôm đang ngồi trên chiếc xe gắn máy hiệu Honda Waves biển số 63B3-388.45 chờ khách. Như đã bàn bạc từ trước, Huy T1 dừng xe cách ông N khoảng 30 mét để Đức T đi bộ đến yêu cầu ông N chở về Quận A. Ông N đồng ý và điều khiển xe chở Đức T đi, còn Huy T1 điều khiển xe biển số 52Z9-4339 chở M chạy theo phía sau. Khi đến trước số 73A/1 DBT, Phường Q, Quận A, Đức T giả vờ hỏi mượn chiếc điện thoại di động hiệu Nokia của ông N để gọi

cho người thân thì ông N đưa điện thoại cho Đức T. Cùng lúc này, Huy T1 và M chạy đến dùng nón bảo hiểm đánh ông N làm ông N hoảng sợ bỏ chạy bộ. Lúc này, Đức T cất chiếc điện thoại vào trong túi quần và lên xe biển số 63B3-388.45 của ông N nổ máy tẩu thoát. Cả ba chạy đến khu T thuộc xã B, huyện C, mở cốp xe trên thì thấy bên trong có 01 máy tính bảng hiệu King, 01 điện thoại di động Nokia N700, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy đăng ký xe biển số 63B3-388.45 đều mang tên Nguyễn Thái N. Khoảng 20 giờ cùng ngày 16/6/2016, Đức T mang giấy đăng ký xe cùng chiếc xe biển số 63B3-388.45 đến cửa hàng cầm đồ số 102/21A ADL, Phường W, Quận A cầm cho bà Dương Thị H được 8.500.000 đồng. Sau đó, Đức T bán 01 máy tính bản hiệu King cho Nguyễn Đức P được 700.000 đồng tại tiệm cầm đồ số 24H số 181/64 ADL, Phường Q, Quận A và bán 02 điện thoại di động cho 01 người đàn ông (không rõ rõ lai lịch) trên đường PTH được 150.000 đồng, còn giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái N, Đức T làm rơi mất. Tổng số tiền có được do cầm cố và bán số tài sản nêu trên là 9.350.000 đồng, nhưng Đức T nói với Huy T1 và M là 5.000.000 đồng, Đức T chia cho Huy T1 2.000.000 đồng, chia cho M 1.000.000 đồng, còn 6.350.000 đồng Đức T giữ. Số tiền nêu trên cả ba đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra đã thu hồi 01 giấy đăng ký xe và xe gắn máy biển số 63B3-388.45, 01 máy tính bảng hiệu King do bà Dương Thị H và anh Nguyễn Đức P giao nộp.

Ngày 15/7/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Trị giá 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave S màu vàng-đen, biển số 63B3-388.45 là 9.000.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu King màu đen là 800.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia N700 màu trắng là 500.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen là 200.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản nêu trên là 10.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã lập biên bản trao trả 01 giấy đăng ký xe và xe gắn máy biển số 63B3-388.45, 01 máy tính bảng hiệu King cho ông Nguyễn Thái N. Ông N không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ tư: Khoảng 16 giờ ngày 27/6/2016, khi gặp nhau, Ông Đức T rủ thì được Võ Huy T1 và Lê Văn M đồng ý cùng nhau dàn cảnh lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người chạy xe ôm đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên khoảng 17 giờ cùng ngày 27/6/2016, M điều khiển xe Dream (xe của Huy T1 mượn của một người thanh niên không rõ lai lịch tên T, sau khi thực hiện hành vi phạm tội xong, Huy T1 đã trả lại xe cho T) chở Đức T đến trước số 287/46 ADL, Phường Q, Quận A thì Đức T phát hiện anh Lâm Nhật H là nhân viên công ty Grabbkie, đang ngồi trên xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 86C1-160.75 chờ lấy hàng. Đức T kêu M về chở Huy T1 để cùng dàn cảnh chiếm đoạt xe gắn máy của anh H, còn Đức T giả vờ thuê anh H chở đến đường P để lấy tiền nhưng thực chất mục đích của Đức T là chỉ anh H chạy lòng vòng để tìm đoạn đường vắng chiếm đoạt xe của anh H. Anh H đồng ý điều khiển xe chở Đức T đi, trên đường đi Đức T giả vờ nói điện thoại hết pin và mượn điện thoại của anh H để gọi điện thoại cho vợ để hỏi đường đi. Khi anh H đưa điện thoại Sony M4 AQUA cho Đức T thì Đức T gọi điện thoại nói cho Huy T1 biết vị trí Huy T1 và anh H đang đi. Theo sự chỉ dẫn của Đức T, M chở Huy T1 đến ngã tư đường N-P rẽ vào con hẻm (không rõ địa chỉ) thì gặp Đức T và anh H. Tại đây, Huy T1 dàn cảnh chửi Đức T do Đức T thiếu tiền cá độ bóng đá nhưng không trả nên Huy T1 đòi giữ xe của anh H. Anh H nói với Huy T1 và M là anh H chạy xe ôm không phải bạn bè hay người thân của Đức T. Anh H nói Đức T đưa điện thoại của anh H bên trong có cài phần mềm công ty Grabbkike cho Huy T1 và M xem. Đức T đưa

điện thoại của anh H cho Huy T1 và M xem nhưng Huy T1 và M giả vờ không tin. Đức T lấy lại điện thoại giả vờ gọi cho vợ để xin tiền nhưng thực chất không có gọi. Sau khi giả vờ gọi xong, Đức T nói với Huy T1, M và H đi về nhà vợ của Đức T ở 287 ADL, Phường W, Quận A để xin tiền trả nợ nhưng thật ra Đức T không có vợ ở đây. Do tin Đức T nói thật nên anh H đồng ý đi cùng. M điều khiển xe Dream chở Đức T chạy trước đến hẻm 287 ADL đậu xe ngay ngã 3 trong hẻm trước nhà số 287/21/22, ADL, Phường E, Quận A rồi M và Đức T đứng núp vào trong ngã rẽ bên trái quán sát, còn Huy T1 điều khiển xe của anh H chở anh H đi sau. Khi đi đến ngã 3 nêu trên, Huy T1 dừng xe, nói và chỉ anh H đi vào trong hẻm phía bên phải là nhà vợ của Đức T, có Đức T và M đang ở đó. Do chỉ thấy xe của M và không thấy Đức T và M nên anh H nghĩ Huy T1 nói thật nên anh H đi theo sự chỉ dẫn của Huy T1 được khoảng 20 mét thì Huy T1 điều khiển xe của anh H tẩu thoát. M và Đức T cũng chạy ra lấy xe Dream tẩu thoát cùng với Huy T1. Anh H đi vào hẻm khoảng 30 mét nhưng không thấy ai nên quay trở ra thì thấy Huy T1, Đức T và M đã chạy thoát. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Đức T đem bán chiếc điện thoại Sony M4 AQUA cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được 1.500.000 đồng, Đức T chia cho Huy T1 500.000 đồng, M 200.000 đồng, số tiền còn lại Đức T giữ, số tiền trên cả ba đã tiêu xài hết. Đối với xe Yamaha Sirius biển số 86C1-160.75, Đức T và Huy T1 tháo biển số 86C1-160.75 thay vào biển số giả 51H1-0127. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28/6/2016, khi Đức T và M đang ngồi tại quán cà phê tại đầu hẻm 161 NTT, Phường Q, Quận A thì bị anh H phát hiện, truy hô cùng quần chúng nhân dân giữ Đức T và M cùng chiếc xe gắn máy Yamaha Sirius biển số 86C1-160.75 giao cho Công an Phường 1, Quận 8 xử lý. Ngày 01/7/2016, Huy T1 đến Công an Quận 8 đầu thú. Tại Cơ quan điều tra Đức T, Huy T1 và M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của cả ba phù hợp với nhau.

Ngày 31/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, biển số 56C1-160.75 là 8.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sony M4 AQUA là 2.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã lập biên bản trao trả chiếc xe Yamaha Sirius biển số 86C1-160.75 cho anh Lâm Nhật H. Anh H không yêu cầu bồi thường.

Ngày 02/07/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ngày 07/7/2016 bắt tạm giam đối với Ông Đức T, Lê Văn M và Võ Huy T1 về tội “Cướp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 01/7/2016 Võ Huy T1 đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, Đức T, M và Huy T1 khai nhận các hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) xe gắn máy hiệu Honda Wave S màu vàng-đen, biển số 63B3-388.45.
- 01 (Một) máy tính bảng hiệu King màu đen.
- 01 (Một) điện thoại di động Nokia N700 màu trắng.
- 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen.
- 01 (Một) xe gắn máy hiệu Sirius, biển số 56C1-160.75.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sony M4 AQUA.
- 01 (Một) xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51M1-608.83.
- 01 (một) xe gắn máy Honda Wave biển số 51L5-0552.
- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 63B3-388.45.
- 01 (Một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái N.
- 01 (Một) chiếc xe gắn máy biển số: 86C1-160.75.

Tại bản Cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 06/3/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 và Lê Văn M về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 và Lê Văn M về tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Ong Đức T từ 08 năm đến 09 năm tù về tội Cướp tài sản; từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 10 năm 06 tháng đến 12 năm 06 tháng tù.

- Võ Huy T1 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản; từ 02 năm đến 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù.

- Lê Văn M từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Cướp tài sản; từ 02 năm đến 03 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các bị cáo,

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, người bị hại; tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, xác định các bị cáo Ong Đức T, Lê Văn M và Võ Huy T1 có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Do cần tiền tiêu xài nên đã cùng nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn Quận 8 và huyện Bình Chánh, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ong Đức T rủ, Võ Huy T1 đồng ý đi cướp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 26/5/2016, tại trước số C10/35 ấp 4A, xã B, huyện C, Huy T1 dùng thanh gỗ ném trúng vào lưng ông Phan Đức L, là người chạy ô tô biển số 59M1-608.83 chở Đức T, làm ông L sợ bỏ xe chạy, Đức T chiếm đoạt xe cùng Huy T1 tẩu thoát. Sau đó Đức T và Huy

T1 đem xe cướp được bán cho một người tên T (không rõ lai lịch) tại khu vực ấp 1A, xã B, huyện C được 2.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Ngày 15/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51M1-608.83 là 14.441.500 đồng.

Vụ thứ hai: Khi được Ông Đức T rủ, Võ Huy T1 đồng ý cùng nhau cướp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 28/5/2016 tại hẻm C9 ấp 4A, xã B, C, Đức T có hành vi dùng cây kéo chìa vào cổ ông Kha Văn B là người chạy xe ôm, chiếm đoạt tài sản là chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51L5-0552. Trước đó Đức T giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của ông B để gọi cho người quen lấy tiền trả tiền xe ôm nhưng thực chất là gọi nói cho Huy T1 biết để điều khiển xe chạy theo sau, rồi chiếm đoạt.

Đức T và Huy T1 điều khiển xe tẩu thoát và đem xe biển số 51L5-0552 bán cho người thanh niên tên T (không rõ lai lịch) tại khu vực ấp 4A, xã B, huyện C được 1.800.000 đồng và chia nhau tiêu xài.

Ngày 15/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe gắn máy Honda Wave biển số 51L5-0552 là 2.548.500 đồng.

Vụ thứ ba: Ông Đức T bàn bạc và rủ thì được Võ Huy T1 và Lê Văn M đồng ý cùng nhau đi cướp tài sản. Khoảng 17 giờ ngày 16/6/2016, tại số 73A/1 DBT, phường Q, Quận A, Huy T1 và M dùng nón bảo hiểm đánh ông N làm ông N hoảng sợ bỏ chạy, Đức T lên xe biển số 63B3-388.45 của ông N nổ máy tẩu thoát cùng Huy T1 và M. Trong cốp xe của ông Nguyễn Thái N có 01 máy tính bảng hiệu King, 01 điện thoại di động Nokia N700, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy đăng ký xe biển số 63B3-388.45 đều mang tên Nguyễn Thái N.

Tổng số tiền có được do cầm cố và bán số tài sản nêu trên là 9.350.000 đồng, nhưng Đức T nói với Huy T1 và M là 5.000.000 đồng, Đức T chia cho Huy T1 2.000.000 đồng, chia cho M 1.000.000 đồng, còn 6.350.000 đồng Đức T giữ. Số tiền nêu trên cả ba đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra đã thu hồi 01 giấy đăng ký xe và xe gắn máy biển số 63B3-388.45, 01 máy tính bảng hiệu King do bà Dương Thị H và anh Nguyễn Đức P giao nộp.

Ngày 15/7/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Trị giá 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Waves màu vàng-đen, biển số 63B3-388.45 là 9.000.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu King màu đen là 800.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia N700 màu trắng là 500.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen là 200.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản nêu trên là 10.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 16 giờ ngày 27/6/2016, Ông Đức T rủ thì được Võ Huy T1 và Lê Văn M đồng ý cùng nhau dàn cảnh lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người chạy xe ôm. Tại hẻm 287, ADL, Phường Q, Quận A, Đức T, Huy T1 và M dàn cảnh để anh H tin tưởng giao xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius biển số 86C1-160.75 cho Huy T1 giữ và đi vào hẻm. Khi anh H đi được 20m, các bị cáo chiếm đoạt xe của anh H.

Ngày 31/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, biển số 56C1-160.75 là 8.000.000 đồng; 01 điện thoại di

đồng hiệu Sony M4 AQUA là 2.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy với những chứng cứ nêu trên, có đủ căn cứ xác định các bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 và Lê Văn M phạm tội “Cướp tài sản” theo Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 tham gia 04 vụ chiếm đoạt tài sản, trong đó có 03 vụ cướp tài sản, 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo Lê Văn M tham gia 02 vụ, trong đó 01 vụ cướp tài sản, 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trước khi phạm tội các bị cáo có sự phân công, bàn bạc cách thức, thủ đoạn phạm tội; bị cáo Ong Đức T là chủ mưu, Huy T1 và M vai trò giúp sức, cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó khi lượng hình cũng cần có mức hình phạt phù hợp với vai trò, mức độ của từng bị cáo; cần áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 133 và điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo. Ngoài ra khi phạm tội, các bị cáo sử dụng kéo, nón bảo hiểm, thanh gỗ đánh người bị hại cướp tài sản là thuộc trường hợp sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm nên áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo. Các bị cáo Đức T, Huy T1 phạm tội từ hai lần trở lên nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản người khác, mà còn gây mất trật tự xã hội. Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt, làm ăn lương thiện khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, một phần tài sản đã thu hồi trả người bị hại; bị cáo Võ Huy T1 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, giúp việc điều tra vụ án được nhanh chóng, do đó áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) xe gắn máy hiệu Honda Wave S màu vàng-đen, biển số 63B3-388.45.
- 01 (Một) máy tính bảng hiệu King màu đen.
- 01 (Một) điện thoại di động Nokia N700 màu trắng.
- 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen.
- 01 (Một) xe gắn máy hiệu Sirius, biển số 56C1-160.75.
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sony M4 AQUA.

Tất cả tài sản trên đã trao trả cho người bị hại là ông Nguyễn Thái N và anh Lâm Nhật H, ông N, anh H không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (Một) xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 51M1-608.83 của ông Phan Đức L không thu hồi được.

- 01 (một) xe gắn máy Honda Wave biển số 51L5-0552, của ông Kha Văn B không thu hồi được.

- 01 (Một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái N, Đức T làm rơi mất.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phan Đức L yêu cầu các bị cáo Đức T, Huy T1 bồi thường trị giá chiếc xe Honda Wave 59M1-60883 bị cướp. Xét ngày 15/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị chiếc xe là 14.441.500 đồng, do đó cần buộc các bị cáo Đức T, Huy T1 liên đới bồi thường cho ông L số tiền 14.441.500 đồng.

Ông Kha Văn B yêu cầu các bị cáo Đức T, Huy T1 bồi thường trị giá chiếc xe Honda Wave biển số 51L5-0552 bị cướp. Xét ngày 15/8/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị chiếc xe là 2.548.500 đồng, do đó cần buộc các bị cáo Đức T, Huy T1 liên đới bồi thường cho ông B số tiền 2.548.500 đồng.

Ông Nguyễn Thái N và anh Lâm Nhật H không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Dương Thị H và Nguyễn Đức C khi cầm và mua tài sản do Đức T cầm và bán không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có căn cứ để xử lý.

Đối với người thanh niên tên T mua 02 xe gắn máy biển số 59M1-608-83 và biển số 51L5-0552 do Đức T bán do không xác định được lai lịch địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có căn cứ để xử lý.

Đối với 02 người đàn ông mua 03 điện thoại di động do Đức T bán do không xác định được lai lịch địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Ông Đức T, Võ Huy T1 (Tên gọi khác: TC) và Lê Văn M phạm tội "Cướp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm a, khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Ong Đức T 08 (Tám) năm tù về tội: “Cướp tài sản” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2016.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm a, khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Võ Huy T (Tên gọi khác: TC) 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Cướp tài sản” và 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành là 09 (Chín) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2016.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm a, khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Cướp tài sản” và 02 (Hai) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2016.

- Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) biển số xe gắn máy 51H1-0127 (Theo phiếu nhập kho vật chứng số 41/PNK ngày 23/01/2017 của Công an Quận 8).

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 (Tên gọi khác: TC) liên đới bồi thường cho Ông Phan Đức L số tiền 14.441.500 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 7.220.750 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc các bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 (Tên gọi khác: TC) liên đới bồi thường cho Ông Kha Văn B số tiền 2.548.500 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 1.274.250 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 (Tên gọi khác: TC) và Lê Văn M nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Buộc mỗi bị cáo Ong Đức T, Võ Huy T1 (Tên gọi khác: TC) nộp 424.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA ND TP.HCM;
- VKS ND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKS ND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Công an Quận 8;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh